SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC

Mã đề: 087

KỲ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG
NĂM HỌC 2010 - 2011
MÔN: TOÁN 4
Thời gian làm bài: 35 phút; (25 câu trắc nghiệm)

- Học sinh không được viết, khoanh vào đề này.
- Mỗi câu hỏi chỉ có một phương án đúng. Phương án nào đúng em hãy tô kín một ô tròn tương ứng với phương án trả lời vào Phiếu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1: Các số 1980; 1976; 1965; 1979 được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là
A. 1980; 1976; 1965; 1979 **B.** 1980; 1979; 1965; 1976
C. 1965; 1976; 1979; 1980 **D.** 1980; 1979; 1976; 1965

Câu 2: $2km^2$ = ……..m^2. Số điền vào chỗ trống là
A. 2000000 **B.** 2000 **C.** 20000 **D.** 200000

Câu 3: $\frac{2}{12} = \frac{\square}{24}$. Số thích hợp viết vào ô trống là
A. 4 **B.** 5 **C.** 3 **D.** 6

Câu 4: Trường hợp nào đúng trong các trường hợp dưới đây?
A. $\frac{14}{7} > \frac{21}{7}$ **B.** $\frac{1}{2} < \frac{3}{2}$ **C.** $\frac{2}{5} > \frac{3}{5}$ **D.** $\frac{4}{6} > 1$

Câu 5: Tìm *x* biết 369: *x* = 123
A. 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

Câu 6: Số chia hết cho 5 có tận cùng là
A. 0 ; 5 **B.** 3 ; 5 **C.** 0 ; 4 **D.** 6 ; 5

Câu 7: Số điền vào chỗ trống trong phép tính (15 x 4) : 2 = ….. là
A. 15 **B.** 4 **C.** 30 **D.** 60

Câu 8: 3 yến = ….kg . Số thích hợp viết vào chỗ chấm là
A. 3 **B.** 300 **C.** 30 **D.** 3000

Câu 9: Chọn câu trả lời đúng?
A. Số chia hết cho 3 là số có tổng các chữ số **không** chia hết cho 3.
B. Số chia hết cho 3 là số có chữ số hàng đơn vị chia hết cho 3.
C. Số chia hết cho 3 là số có chữ số hàng trục và hàng đơn vị chia hết cho 3.
D. Số chia hết cho 3 là số có tổng các chữ số chia hết cho 3.

Câu 10: Để số 20*a* chia hết cho 3 thì *a* bằng số nào trong các số sau?
A. *a*=5 ***B.*** *a*=4 ***C.*** *a*=3 ***D.*** *a*=2

Câu 11: Tìm x biết x: 11 = 24.
A. x = 244 **B.** x = 264 **C.** x = 254 **D.** x = 24

Câu 12: Lớp 4A có 30 học sinh, số học sinh nữ nhiều hơn số học sinh nam là 6 em. Khi đó lớp 4A có số học sinh nam là
A. 16 em **B.** 12 em **C.** 14 em **D.** 18 em

Câu 13: Hình bình hành ABCD bên có diện tích là

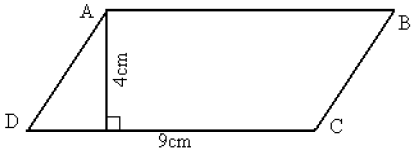

A. $18cm^2$ **B.** $27cm^2$ **C.** $36cm^2$ **D.** $9cm^2$

Câu 14: Hình vẽ phù hợp với phân số $\frac{5}{10}$ là hình nào trong các hình sau?

A. 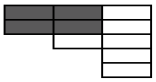 **B.** 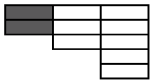 **C.** 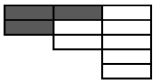 **D.** 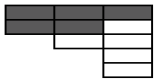

Câu 15: 1 phút 5 giây = …. giây. Số thích hợp viết vào chỗ chấm là

A. 60 **B.** 35 **C.** 55 **D.** 65

Câu 16: Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 4km, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 1 km. Khi đó diện tích khu đất đó sẽ bằng

A. $6km^2$ **B.** $12km^2$ **C.** $4\ km^2$ **D.** $5km^2$

Câu 17: Số đọc là "*Năm mươi nghìn sáu trăm mười hai*" được viết là

A. 50612 **B.** 5612 **C.** 500612 **D.** 5000612

Câu 18: Phân số nào biểu diễn phần tô đậm của hình bên?

A. $\frac{5}{3}$ **B.** $\frac{3}{5}$ **C.** $\frac{8}{5}$ **D.** $\frac{5}{8}$

Câu 19: Số điền vào chỗ trống trong phép tính 48 : (2 x 3) = ….. là

A. 8 **B.** 16 **C.** 6 **D.** 24

Câu 20: Kết quả của phép tính 11 x 45 bằng

A. 455 **B.** 485 **C.** 45 **D.** 495

Câu 21: Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là

A. $\frac{1}{5};\frac{2}{5};\frac{4}{5};\frac{7}{5}$ **B.** $\frac{7}{5};\frac{4}{5};\frac{2}{5};\frac{1}{5}$ **C.** $\frac{1}{5};\frac{4}{5};\frac{7}{5};\frac{2}{5}$ **D.** $\frac{1}{5};\frac{7}{5};\frac{2}{5};\frac{4}{5}$

Câu 22: Cho a=5, b=4, c=7. Khi đó tổng a + b + c bằng bao nhiêu

A. 9 **B.** =12 **C.** 16 **D.** 11

Câu 23: Có bao nhiêu số có một chữ số?

A. Có 9 số **B.** Có 11 số **C.** Có 8 số **D.** Có 10 số

Câu 24: Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$ ta được hai phân số

A. $\frac{3}{15}$ và $\frac{10}{15}$ **B.** $\frac{1}{8}$ và $\frac{2}{8}$ **C.** $\frac{5}{15}$ và $\frac{6}{15}$ **D.** $\frac{1}{15}$ và $\frac{2}{15}$

Câu 25: Số nào sau đây chia hết cho 5?

A. 476 **B.** 340 **C.** 347 **D.** 444

---------- **HẾT** ----------